

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2020/DS-PT

Ngày: 28 - 8 - 2020.

*“V/v: Tranh chấp lỗi đi chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Công Bình

*Các Thẩm phán:*

1. Ông Y Phi Kbuôr

2. Bà Đinh Thị Tuyết

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Ngụ Văn Minh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2020/TLPT-DS ngày 08/7/2020 về việc: “Tranh chấp lỗi đi chung”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DS-ST ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2020/QĐ-PT ngày 13/8/2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Đặng Ngọc H, sinh năm 1978; địa chỉ: Đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Danh T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

**3. Người làm chứng:**

3.1. Ông Nguyễn Danh N và bà Phương Thị N1; địa chỉ: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (ông N vắng mặt, bà N1 có mặt).

3.2. Ông Phùng Văn T1 và bà Hoàng Thị X; địa chỉ: Tổ N, thôn Đ, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt và đã có đơn xin vắng mặt).

**4. Người kháng cáo:** Bị đơn ông Nguyễn Danh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*/ Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày có nội dung như sau:*

Vào khoảng năm 2006, bà Nguyễn Thị M có nhận chuyển nhượng diện tích đất là 3.338m<sup>2</sup> của ông Phùng Văn T1, hiện nay đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 6018xx, ngày 06/6/2017, thửa đất số 279 (cũ: 7), tờ bản đồ số 33 (cũ: 16), diện tích 3338,8m<sup>2</sup>, địa chỉ tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Về nguồn gốc đất của bà M: Năm 2003 ông Phùng Văn T1 có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Danh N diện tích đất là 2.320m<sup>2</sup> và thêm 2,5m chiều ngang đất của ông N để làm đường đi vào rẫy và ông T1 đã sử dụng lối đi này ổn định từ khi nhận chuyển nhượng. Sau đó ông T1 chuyển nhượng lại đất cho bà M, việc chuyển nhượng đất giữa bà M với ông T1, thì hai bên chỉ viết giấy tay với nhau; đến năm 2010 ông T1 có đưa cho bà M giấy biên nhận sang nhượng đất (bản gốc) giữa ông N với ông T1 vào năm 2003, ông T1 có xác nhận là đã bán toàn bộ diện tích đất nhận chuyển nhượng từ ông N và bà S cho bà M. Sau khi nhận chuyển nhượng đất thì bà M vẫn sử dụng lối đi có chiều ngang là 2,5m này và không có ai cản trở hay khiếu nại gì, nhưng đến đầu năm 2019 thì ông Nguyễn Danh T (là con trai của ông N) đã tự ý rào lối đi lại, không cho bà M sử dụng nữa. Về đất của ông T là được ông Nguyễn Danh N tặng cho.

Năm 2013, Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B đã đo đạc lại đất đai trên địa bàn xã theo hệ thống bản đồ địa chính mới theo đúng hiện trạng thực tế mà các hộ dân đang sử dụng, theo đó có thể hiện cụ thể có con đường có chiều ngang là 2,5m. Về ranh mốc thửa đất của bà M sử dụng là ổn định, không có tranh chấp với ai và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 6018xx, ngày 06/6/2017 cấp cho bà M là đúng với hiện trạng sử dụng và có thể hiện con đường đi giữa lô đất của bà M và đất của ông T. Việc ông T tự ý rào con đường đi và trồng hoa màu trên con đường đi đã làm ảnh hưởng và gây thiệt hại đến quyền sử dụng đất của bà M.

Bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Danh T phải tháo dỡ hàng rào, trả lại đường rộng 2,5m, là đường đi chung mà ông N đã bán cho ông T1 và ông T1 đã chuyển nhượng lại cho bà M, để bà M sử dụng làm lối đi vào lô đất rẫy của mình.

*\*/ Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Danh T trình bày có nội dung như sau:*

Diện tích đất mà ông T đang sử dụng có nguồn gốc được cha, mẹ của ông T là ông Nguyễn Danh N và bà Phương Thị N1 tặng cho vào năm 2009, ông T sinh sống trên đất và sử dụng đất ổn định từ năm 2009 cho đến nay. Năm 2011, ông T làm thủ tục kê khai và đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 6871xx, ngày 20/12/2011, đứng tên Nguyễn Danh T, thửa

đất số 2, tờ bản đồ số 16, diện tích đất là 3.170m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất tại xã H, thành phố B. Việc mua bán đất giữa cha mẹ ông T là ông Nguyễn Danh N với ông Phùng Văn T1 như thế nào thì ông T không biết, vì lúc đó ông T còn nhỏ. Từ lúc ông T sinh sống trên đất thì giữa các bên vẫn sử dụng chung lối đi rộng khoảng 02m, lối đi này nằm ở giữa ranh giới đất của ông T với đất của bà M. Đến tháng 10/2019 thì ông T có rào lại lối đi này, lý do là vì bà M cho rằng đường đi này là đất của bà M.

Ông T xác định con đường đi mà bà M khởi kiện là phần đất nằm trong diện tích đất mà ông T được cha mẹ tặng cho và nằm trong diện tích đất ông T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc quyền sử dụng của ông T nên ông đã rào lối đi lại. Do đó việc bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu tháo dỡ hàng rào và trả lại đường đi chiều ngang 2,5m, thì ông T không đồng ý.

*\*/ Những người làm chứng trình bày có nội dung như sau:*

- Ông Nguyễn Danh N và bà Phương Thị N1 trình bày: Năm 2003, ông N và bà N1 có chuyển nhượng cho ông Phùng Văn T1 diện tích đất 2.320m<sup>2</sup> với giá là 15.000.000 đồng, việc mua bán có viết giấy tay và ông Hoàng Văn L làm chứng. Trong giấy mua bán ghi rõ ngoài 2.320m<sup>2</sup>, ông N còn cho thêm ông T1 2,5m chiều ngang sang đất của ông N. Con đường 2,5m này mở ra là vì ông N có mảnh đất ở phía trong nên ông N mở đường để đi vào đất và ông N có cho ông T1 đi trên con đường này để đi vào đất của ông T1 đã mua của ông N. Nếu ông T1 còn sử dụng mảnh đất đó thì cho ông T1 sử dụng con đường để đi, nay ông T1 đã chuyển nhượng đất cho người khác thì đó là việc của ông T1. Ông N xác định việc chuyển nhượng đất giữa ông và ông T1 đã xong, ông không có mua bán đất với bà M và ông cũng đã tặng cho phần đất của mình cho con trai là Nguyễn Danh T, nên việc bà M khởi kiện ông T thì không có liên quan đến ông N.

- Ông Phùng Văn T1 và bà Hoàng Thị X trình bày: Vào năm 2003, vợ chồng ông T1, bà X có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Danh N và bà Phương Thị N1 diện tích đất 2.320m<sup>2</sup> với giá 15.000.000 đồng, việc mua bán có viết giấy tay với nhau. Trong giấy mua bán đất ông N có ghi rõ ngoài 2.320m<sup>2</sup>, ông N còn thêm cho 2,5m chiều ngang sang đất của ông N. Sau đó ông T1 có mua lại 500m<sup>2</sup> của bà S (trước đây bà S mua của ông N). Đến năm 2006, vợ chồng ông T1 đã chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất 2.820m<sup>2</sup> cho bà Nguyễn Thị M, việc mua bán hai bên chỉ viết giấy tờ tay. Vì bà M đã làm mất giấy tờ mua bán, nên năm 2010 ông T1 đưa cho bà M giấy mua bán đất giữa ông T1 và ông N, đồng thời ông có xác nhận đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích 2.820m<sup>2</sup> cho bà M và phần thêm 2,5m chạy dọc bờ lô phía Đông đất của ông N. Nay bà M khởi kiện ông T tranh chấp lối đi thì ông T1 xác định ông không liên quan vì ông và bà M đã thực hiện xong việc chuyển nhượng và bà M đã sử dụng ổn định đất cũng như lối đi này.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DS-ST ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 254, Điều 579 và Điều 580 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 171 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

- Buộc ông Nguyễn Danh T phải tháo dỡ hàng rào, di dời 01 trụ điện ra khỏi diện tích lối đi, trả lại con đường đi có chiều rộng 2,5m, chiều dài 65,6m, tổng diện tích 164m<sup>2</sup> là đường đi chung. Con đường có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Danh T dài 65,6m; phía Nam giáp đất ông Nguyễn Danh T dài 11,4m + giáp đất ông Nguyễn Đình T2 dài 32m + giáp đất bà Nguyễn Thị M dài 22,2m; phía Đông giáp đường đi dài 2,5m; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Danh T dài 2,5m.

- Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Danh T phải chịu chi phí định giá, thẩm định tại chỗ với số tiền là 2.500.000 đồng. Bà Nguyễn Thị M được nhận lại 2.500.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá sau khi thu được từ ông Nguyễn Danh T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo, cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/5/2020 bị đơn ông Nguyễn Danh T có đơn kháng cáo, với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá chứng cứ một cách khách quan và toàn diện, dẫn đến việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đúng pháp luật; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Nguyễn Danh T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Qua lời trình bày của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Vào năm 2003 ông Nguyễn Danh N đã chuyển nhượng diện tích đất 2.320m<sup>2</sup> và có cả phần lối đi cho ông Phùng Văn T1, sau đó ông T1 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị M và bà M sử dụng ổn định lối đi chiều ngang 2,5m, dài 65,6m để đi vào đất của mình, không có ai tranh chấp. Đồng thời qua xác minh và xem xét bản đồ địa chính của Ủy ban nhân dân xã H quản lý đã xác định giữa ranh giới lô đất của bà M và đất của ông T có thể hiện con đường đi và con đường này không nằm trong phần diện tích đất của ông T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, việc ông T rào lại con đường, không cho bà M sử dụng là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M. Bản án sơ thẩm đã tuyên chấp nhận đơn khởi kiện của bà M và buộc ông T phải tháo dỡ vật kiến trúc trên đất để trả lại lối đi cho bà M sử dụng, là có căn cứ và đúng pháp luật, nên kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Danh T là không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Danh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong vụ án này, đối với ông Nguyễn Danh N, bà Phương Thị N1, là người đã chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông Phùng Văn T1, bà Hoàng Thị X và tặng cho đất cho ông Nguyễn Danh T; đối với ông Phùng Văn T1, bà Hoàng Thị X, là người chuyển nhượng đất cho bà Nguyễn Thị M. Ông Nguyễn Danh N, bà Phương Thị N1, ông Phùng Văn T1 và bà Hoàng Thị X không có quyền lợi gì đối với lối đi mà nguyên đơn và bị đơn đang tranh chấp, nên chỉ là người làm chứng trong vụ án, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định tư cách tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng. Tuy nhiên, sai sót này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, nên Tòa án cấp phúc thẩm cần xác định lại tư cách tham gia tố tụng của ông Nguyễn Danh N, bà Phương Thị N1, ông Phùng Văn T1 và bà Hoàng Thị X, là người làm chứng cho đúng quy định của pháp luật và Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung: Đối với kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Danh T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Bà Nguyễn Thị M là chủ sử dụng lô đất thuộc thửa đất số 279 (cũ: 7), tờ bản đồ số 33 (cũ: 16), diện tích 3338,8m<sup>2</sup>, địa chỉ tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 6018xx, ngày 06/6/2017. Nguồn gốc thửa đất của bà M là do ông Phùng Văn T1 nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Danh N vào năm 2003, diện tích là 2.320m<sup>2</sup>, sau đó ông T1 nhận chuyển nhượng thêm của bà S 500m<sup>2</sup> và đến năm 2006 thì ông T1 chuyển nhượng lại toàn bộ đất cho bà M; còn phần đất của ông Nguyễn Danh T đang sử dụng có nguồn gốc được cha, mẹ là ông Nguyễn Danh N và bà Phương Thị N1 tặng cho vào năm 2009, đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 6871xx, ngày 20/12/2011, đứng tên Nguyễn Danh T, thửa đất số 2, tờ bản đồ số 16, diện tích đất là 3.170m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất tại xã H, thành phố B. Bà M đang sử dụng lối đi nằm ở giữa ranh giới đất của bà và đất của ông T để đi vào đất của mình, lối đi có chiều rộng 2,5m và chiều dài từ đất của bà M đi về hướng Đông, tiếp giáp với đường đất rẫy liên thôn, nhưng ông T đã rào lại con đường đi nên dẫn đến các bên có tranh chấp.

[2.2] Tại Giấy biên nhận sang nhượng đất ngày 30/7/2003 (Âm lịch) do ông Nguyễn Danh N viết, về việc sang nhượng đất cho ông Phùng Văn T1 có thể hiện nội dung: *“Gia đình tôi có miếng đất đã có sổ đỏ diện tích là 2.320m<sup>2</sup> nay tôi có nhượng lại cho anh Phùng Văn T1, vợ là Hoàng Thị X miếng đất này và thêm 2,5m chiều ngang sang đất của tôi ...”*. Đến khi ông T1 chuyển nhượng đất cho bà Nguyễn Thị M thì ông T1 đã giao giấy biên nhận sang nhượng đất do ông N viết cho bà M và ông T1 ghi thêm vào giấy nội dung: *“Tôi tên là Phùng Văn T1 có sổ đất 2,5m dài*

*theo giấy tờ của ông Nguyễn Danh N là sự thực, đi về phía đông theo bờ lô. Nay tôi nhượng lại cho bà Nguyễn Thị M sau này bà M làm số đo lệ phí hết bao nhiêu bà M xin nộp đủ”. Như vậy, khi chuyển nhượng đất cho ông Phùng Văn T1, thì ông N đã giao thêm phần đất có chiều ngang là 2,5m sang đất của ông để làm đường đi và ông T1 đã sử dụng phần đất này làm lối đi từ đường đất liên thôn vào đất của mình. Sau đó, ông T1 chuyển nhượng đất lại cho bà Nguyễn Thị M và bà M cũng đã sử dụng phần đất chiều ngang là 2,5m làm lối đi ổn định, không có tranh chấp với ai. Đồng thời, vợ chồng ông T1 và bà X đều khẳng định khi chuyển nhượng đất cho bà M thì bao gồm cả lối đi có chiều ngang 2,5m. Đến năm 2009 thì ông T mới được cha mẹ tặng cho đất và đến năm 2019 thì ông Nguyễn Danh T đã rào lại và không cho bà M sử dụng lối đi này.*

[2.3] Tại Biên bản xác minh ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, thì Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B đã cung cấp nội dung: *“Qua kiểm tra bản đồ địa chính lưu trữ tại xã được đo đạc năm 1993 thì con đường mà bà M đang khởi kiện không nằm trong phần diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Danh T (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 16, diện tích 3170m<sup>2</sup>); theo bản đồ địa chính được đo đạc lại năm 2013 thì cạnh thửa đất ông T đang sử dụng (thửa 197, tờ bản đồ số 33) về hướng phía Nam thửa đất có thể hiện con đường rộng khoảng 03m, chiều dài 64m, đi qua các thửa đất ông T2, bà M đang sử dụng”. Đồng thời tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 6018xx ngày 06/6/2017 cấp cho bà Nguyễn Thị M cũng thể hiện hướng Bắc của lô đất tiếp giáp với đường đi. Do đó, việc ông Nguyễn Danh T cho rằng phần đất con đường đang tranh chấp hiện nay nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T, nên đất thuộc quyền sử dụng của ông T là không có căn cứ.*

Như vậy có đủ cơ sở khẳng định: Thực tế có tồn tại 01 con đường là lối đi chung nằm giữa lô đất của bà Nguyễn Thị M (về hướng Bắc) và lô đất của ông Nguyễn Danh T (về hướng Nam). Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/02/2020 của Tòa án cấp sơ thẩm (Bút lục 50, 51) đã xác định hiện trạng trên thực tế lối đi có chiều rộng 2,5m, chiều dài 65,6m, có tứ cận: Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Danh T dài 65,6m; phía Nam giáp các lô đất là: đất ông Nguyễn Danh T dài 11,4m; đất của ông Nguyễn Đình T2 dài 32m và đất bà Nguyễn Thị M dài 22,2m; phía Đông giáp đường rẫy dài 2,5m và phía Tây giáp đất ông Nguyễn Danh T dài 2,5m. Việc ông Nguyễn Danh T cố ý lấn chiếm, rào lại con đường và không cho bà Nguyễn Thị M sử dụng con đường để đi vào đất của bà M là không đúng và làm ảnh hưởng đến quyền sử dụng lối đi của bà M. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, buộc ông Nguyễn Danh T phải tháo dỡ hàng rào, di dời trụ điện và vật kiến trúc trên đất để trả lại lối đi chung, là có căn cứ và đúng pháp luật. Do đó kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Danh T là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Danh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 254 Bộ luật dân sự 2015; khoản 10 Điều 12; Điều 166; Điều 171 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Danh T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DS-ST ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

1. Công nhận phần đất có chiều rộng 2,5m, chiều dài 65,6m, tổng diện tích 164m<sup>2</sup>, nằm giữa ranh giới đất của bà Nguyễn Thị M (thửa đất số 279, tờ bản đồ số 33, địa chỉ tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) và đất của ông Nguyễn Danh T (thửa đất số 2, tờ bản đồ số 16, địa chỉ thửa đất tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk), là lối đi chung. Lối đi chung có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Danh T, dài 65,6m; phía Nam giáp các lô đất là: đất ông Nguyễn Danh T, dài 11,4m; đất của ông Nguyễn Đình T2, dài 32m và đất bà Nguyễn Thị M dài 22,2m; phía Đông giáp đường rẫy, dài 2,5m; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Danh T, dài 2,5m.

2. Buộc ông Nguyễn Danh T phải có nghĩa vụ tháo dỡ hàng rào, di dời 01 trụ điện và vật kiến trúc trên diện tích đất của lối đi, để trả lại lối đi chung cho bà Nguyễn Thị M sử dụng.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Ông Nguyễn Danh T phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ và định giá với số tiền là 2.500.000 đồng. Bà Nguyễn Thị M được nhận lại 2.500.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá sau khi thu được từ ông Nguyễn Danh T.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Danh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, theo Biên lai thu số AA/2019/0002433 ngày 16/9/2019.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Danh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, theo Biên lai thu số AA/2019/0008034 ngày 01/6/2020.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao (Vụ II);
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trương Công Bình**